

*

BẢNG ĐIỂM CHUNG

Lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên khóa 99

Thời gian học: từ ngày 17/9/2022 đến ngày 10/11/2022

STT	Họ và tên	Điểm			Xếp loại	Ghi chú
		Phần I	Phần II	Điểm TB		
1	Nguyễn Thị Lâm Anh	8.60	8.00	8.30	Khá	
2	Lâm Nhật Anh	7.40	7.00	7.20	Khá	
3	Đàm Thị Bích	6.20	7.00	6.60	Trung bình	
4	Bé Thị Cầm	7.80	7.80	7.80	Khá	
5	Lý Văn Châu	7.40	5.20	6.30	Trung bình	
6	Dương Tuấn Đạt	8.80	7.40	8.10	Khá	
7	Nông Khánh Diên	7.00	7.60	7.30	Khá	
8	Nông Thị Mai Dung	7.60	6.20	6.90	Trung bình	
9	Hoàng Thị Duyên	7.80	6.80	7.30	Khá	
10	Hoàng Thị Gấm	8.40	9.00	8.70	Khá	
11	Chu Thị Giang	8.00	9.20	8.60	Khá	
12	Vương Quý Giáp	8.00	7.80	7.90	Khá	
13	Vũ Thu Hà	9.00	9.40	9.20	Giỏi	
14	Hoàng Thu Hằng	9.40	8.60	9.00	Giỏi	
15	Đỗ Thị Bích Hào	7.40	7.00	7.20	Khá	
16	Lê Thị Hiền	7.60	8.20	7.90	Khá	
17	Hoàng Thị Hiền	7.20	5.40	6.30	Trung bình	
18	Phan Văn Hiệp	6.40	5.20	5.80	Trung bình	
19	Nông Thị Hoài	8.60	7.60	8.10	Khá	
20	Nông Văn Huân	7.00	6.60	6.80	Trung bình	
21	Hà Hồng Huệ	7.20	8.50	7.85	Khá	
22	Chu Minh Huệ	9.40	9.20	9.30	Giỏi	
23	Bé Tuấn Hùng	7.60	6.60	7.10	Khá	
24	Lý Thu Hương	7.60	6.80	7.20	Khá	
25	Nông Thị Hương	9.00	8.40	8.70	Khá	
26	Phùng Thu Hường	8.00	7.60	7.80	Khá	

STT	Họ và tên	Điểm			Xếp loại	Ghi chú
		Phần I	Phần II	Điểm TB		
27	Bế Thị Thu Hương	6.40	6.00	6.20	Trung bình	
28	Hoàng Văn Huy	5.00	5.40	5.20	Trung bình	
29	Chu Thanh Ích	5.20	6.80	6.00	Trung bình	
30	Phạm Đình Khoa	8.00	8.20	8.10	Khá	
31	Chu Viết Khởi	9.00	9.20	9.10	Giỏi	
32	Nông Trung Kiên	6.00	7.20	6.60	Trung bình	
33	Nông Bích Liên	8.60	6.60	7.60	Khá	
34	Đoàn Thúy Liên	7.80	8.40	8.10	Khá	
35	Tô Thị Liễu	5.00	5.00	5.00	Trung bình	
36	Lãnh Thùy Linh	8.00	6.40	7.20	Khá	
37	Hoàng Thị Ly Ly	5.00	7.20	6.10	Trung bình	
38	Triệu Mùi Mui	5.40	6.40	5.90	Trung bình	
39	Nguyễn Thị Anh Ngọc	6.80	8.60	7.70	Khá	
40	Nông Đức Ngọc	8.00	6.00	7.00	Khá	
41	Chu Mã Thị Nguyễn	6.40	5.80	6.10	Trung bình	
42	Lý Văn Nhân	9.40	8.00	8.70	Khá	
43	Lương Quy Nhơn	6.60	5.40	6.00	Trung bình	
44	Lục Thị Như	7.40	7.20	7.30	Khá	
45	Triệu Thị Phương	7.60	7.20	7.40	Khá	
46	Phan Hải Quân	7.40	7.60	7.50	Khá	
47	Lô Thị Tác	6.40	6.00	6.20	Trung bình	
48	Bàn Đức Thắng	7.40	6.40	6.90	Trung bình	
49	Phùng Thị Thảo	8.80	7.80	8.30	Khá	
50	Hoàng Anh Thảo	5.80	6.40	6.10	Trung bình	
51	Vương Dạ Thảo	8.20	8.60	8.40	Khá	
52	Hoàng Phương Thảo	9.00	7.80	8.40	Khá	
53	Nông Minh Thị	7.00	5.60	6.30	Trung bình	
54	Trịnh Văn Thim	8.00	9.80	8.90	Khá	
55	Bàn Hữu Thịnh	7.40	5.80	6.60	Trung bình	
56	Ngân Thị Thơm	6.40	5.00	5.70	Trung bình	
57	Đào Đức Thông	9.40	8.80	9.10	Giỏi	
58	Hoàng Trung Thực	7.00	6.40	6.70	Trung bình	

STT	Họ và tên	Điểm			Xếp loại	Ghi chú
		Phần I	Phần II	Điểm TB		
59	Riêu Thị Thương	6.60	6.60	6.60	Trung bình	
60	Dương Triệu Thuyết	8.60	6.40	7.50	Khá	
61	Triệu Văn Tiên	8.00	7.40	7.70	Khá	
62	Dương Văn Tinh	6.20	6.00	6.10	Trung bình	
63	Đàm Hương Trà	8.80	7.60	8.20	Khá	
64	Ngọc Thị Thùy Trang	9.40	8.20	8.80	Khá	
65	Ma Văn Trọng	7.40	5.20	6.30	Trung bình	
66	Đàm Anh Tự	8.60	8.20	8.40	Khá	
67	Dương Minh Tuấn	6.60	8.20	7.40	Khá	
68	Trần Văn Tuyên	5.00	6.20	5.60	Trung bình	
69	Nông Thanh Tuyên	7.20	6.00	6.60	Trung bình	
70	Trần Thị Tuyết	7.00	6.20	6.60	Trung bình	
71	Nông Thị Uyên	7.00	6.40	6.70	Trung bình	
72	Trần Hồng Vân	8.00	7.80	7.90	Khá	
73	Lý Thị Viên	9.80				Bảo Lưu
74	Trần Quang Vĩnh	8.20	6.00	7.10	Khá	
75	Nông Văn Cảnh	6.80	6.60	6.70	Trung bình	
76	Nông Thị Lan	5.60	6.60	6.10	Trung bình	

Danh sách ấn định: 76 học viên.

Tổng hợp xếp loại: 75 đồng chí

Trung bình: Điểm trung bình toàn khóa học từ 5,00 điểm đến dưới 7,00 điểm: 31 học viên, chiếm 41,3%.

Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 điểm đến dưới 9,00 điểm: 39 học viên, chiếm 52 %.

Giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 9,00 điểm đến 10,00 điểm: 05 học viên, chiếm 6.6%/.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa